

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 162/2025/DS-PT

Ngày 26/12/2025

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng, yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và yêu cầu bồi
thường thiệt hại”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân
Các Thẩm phán: ông Đinh Phước Hòa, ông Trần Đức Kiên
- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng
**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2025/TLPT-DS ngày 30/5/2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST gày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2025/QĐ-PT ngày 08/12/2025, giữa:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Xuân M**, sinh năm 1960; nơi cư trú: **7 tổ C, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa)**.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa)**, có mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa)**, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Thị Kim L**, thuộc **Văn Phòng L2, đoàn Luật sư tin K2**; địa chỉ: **I T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc xã B, tỉnh Khánh Hòa)**, có mặt.

Bị đơn:

1. ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Tuyết M1, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: S đường D Khu đô thị L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa).

2. bà Bùi Thị Lệ T sinh năm 1977 và ông Trần Nam G; cùng địa chỉ: Khách sạn T3 - I N, tổ B thôn H, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường T, tỉnh Khánh Hòa).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H2, bà Lê Thị Tuyết M1 và ông Trần Nam G là bà Bùi Thị Lệ T, bà T có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. bà Nguyễn Thị L1 sinh năm 1960; nơi cư trú: G tổ D, thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

2. bà Nguyễn Thị H sinh năm 1967; nơi cư trú: I tổ D, thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

3. ông Nguyễn Xuân C sinh năm 1961; nơi cư trú: 6 L, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

4. ông Trần Thế Đ, sinh 1956; nơi cư trú: G tổ D, thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), ông Đ chết ngày 23/1/2025. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ: - bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960; địa chỉ: G tổ D, thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa); - chị Trần Thị Thu H3, sinh năm 1988; địa chỉ: số B đường A khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), đều vắng mặt.

5. ông Nguyễn Xuân V sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (nay thuộc xã X, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

6. bà Tống Thị C1 sinh năm 1965; nơi cư trú: 7 tổ C, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

Bà L1, ông C, ông Đ (khi còn sống), ông V, bà C1 đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Hồng H1; bà H và chị H1 cũng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M, bà H và chị H1 có mặt.

7. ông Nguyễn Văn Q sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay thuộc xã T, tỉnh Lâm Đồng), vắng mặt.

8. ông Nguyễn Xuân V1 sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay thuộc xã T, tỉnh Lâm Đồng), vắng mặt.

9. bà Lê Thị K sinh năm 1952; nơi cư trú: E tổ D, thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

10. Văn phòng C2 và Công chứng viên Đặng Thị Như H4, địa chỉ: số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số A T, phường N, tỉnh Khánh Hòa), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: D L, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường B, tỉnh Khánh Hòa), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân tỉnh K, vắng mặt.

13. Ủy ban nhân dân xã V (kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là UBND phường B, tỉnh Khánh Hòa), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Nguyễn Xuân M** trình bày:

Vào năm 1990, vì muốn đưa cha mẹ ở quê vào **N** sinh sống nên ông **Nguyễn Xuân M** cùng với các anh chị em là ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Nguyễn Thị L1**, ông **Nguyễn Văn Q**, bà **Nguyễn Thị H** và ông **Nguyễn Xuân V1** đã nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích 3.400m² tại **khóm T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** của gia đình ông **Nguyễn Huy T1** với giá 100.000 đồng, tiền mua đất do cha mẹ bán đất ở quê góp 07 chỉ vàng và ông **Nguyễn Văn Q** góp 02 lượng vàng 96%, việc chuyển nhượng đất không lập văn bản. Năm 2015, ông **M** cùng với các anh chị em ký giấy xác nhận giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với gia đình ông **T1**, nhưng do ông **T1** bị bệnh nặng nên bà **Lê Thị K** (vợ ông **T1**) ký xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông **M** cùng các anh chị em khai hoang mở rộng diện tích và xây dựng nhà gỗ 3 gian, bếp, bể nước 20m³, tổng diện tích xây dựng khoảng 150m², cha mẹ ở quê không vào nên ông **M** cùng các anh, chị em sống tại đây.

Năm 1993, ông **M** kết hôn với bà **Tống Thị C1** nên anh chị em của ông **M** lập giấy viết tay chuyển nhượng thửa đất trên cho ông **M** với giá 1,5 lượng vàng 96%; giao dịch này được lập giấy viết tay vào ngày 10/6/1996, người bán là ông **Q**, ông **V1**, bà **H** và bà **L1**. Ngoài ra, anh em trong gia đình còn thống nhất bán một phần đất để chuyển tiền về quê cho cha mẹ sinh sống (ông **Nguyễn Mạnh H5** là con trai cả đứng ra bán) và cho bà **H** 241m², cho bà **L1** 118m²; diện tích đất còn lại của ông **M** khoảng 1.600m² (nay là thửa đất số 48 và 49, tờ bản đồ 32 tại **thôn V, xã V**). Quá trình sử dụng, ông **M** đã đổ đường bê tông 2m x 20m; sân xi măng 25m²; đào giếng nước đường kính 3m, sâu 11m; xây dựng 3 chuồng heo, 1 chuồng bò, 5 chuồng gà bằng gỗ; xây bờ kè bằng đá cao 1,2m phía Bắc, ông **M** cho bà **H** sinh sống cùng, từ năm 1993 đến năm 2022 ông **M** là người nộp thuế đất. Ngày 09/9/2022, vợ chồng bà **Bùi Thị Lệ T** và ông **Trần Nam G** thông báo cho ông **M** biết là ông **G**, bà **T** đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 48 của vợ chồng ông **Nguyễn Xuân H2** bà **Lê Thị Tuyết M1**; sau đó, bà **T**, ông **G** đã đập nhà, phá cổng, chặt cây trái trong vườn và xây một bức tường cao 1m bao quanh thửa đất.

Nay, ông **Nguyễn Xuân M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD598377 (số vào sổ cấp GCN:CH05107) ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố **N** cấp cho ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32, **thôn V, xã V**.

- Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền ký giữa bên ủy quyền ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** với bên nhận ủy quyền là bà **Bùi Thị Lệ T** được công chứng tại **Văn phòng C2** theo số 7055 ngày 15/09/2022 vô hiệu.

- Yêu cầu vợ chồng ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* và vợ chồng bà *Bùi Thị Lệ T*, ông *Trần Nam G* liên đới bồi thường thiệt hại tài sản đã đập phá của gia đình ông *M* số tiền 837.800.000đồng.

- Công nhận ông *Nguyễn Xuân M* có quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32, *thôn V, xã V, thành phố N*.

* Bị đơn ông *Nguyễn Xuân H2* và vợ bà *Lê Thị Tuyết M1* trình bày:

Năm 1990, ông *Nguyễn Xuân H2* là Trợ lý chính trị của *Trường K3* (nay là *Trường T4*) do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ngày 18/6/1990 ông *H2* làm đơn xin đất của *T2* để làm nhà ở và tăng gia sản xuất với diện tích đất khoảng 3.600m², Thủ trưởng Nhà trường đã phê duyệt đồng ý vào đơn. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² (gồm 400m² đất ở và 423,2m² đất trồng cây lâu năm) hiện tranh chấp là một phần diện tích thửa đất ông *H2* xin Trường Kỹ thuật ô tô 2 cấp ngày 18/6/1990. Sau khi được cấp đất, vợ chồng ông *H2* phát hoang, làm nhà ở, kết hợp chăn nuôi, trồng trọt trên đất, khoảng năm 2000, ông *Nguyễn Xuân M* (em ruột ông *Nguyễn Xuân H2*) đề nghị vợ chồng ông *H2* cho vợ chồng ông *M* sử dụng thửa đất số 48 để nấu rượu, vợ chồng ông *M* chỉ nấu rượu chứ không ở trên lô đất này thường xuyên. Thửa đất ông *H2* xin khai hoang diện tích khoảng 3.600m², ông *H2* đã bán bằng giấy viết tay cho nhiều người, ông *H2* đã làm thủ tục đăng ký kê khai sử dụng đất qua các thời kỳ và đã được *UBND thành phố N* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05107 ngày 13/10/2016 đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m²; còn lại một phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận hiện nay có số thửa 49 chưa được cấp Giấy chứng nhận bị ông *M* chiếm giữ và ông *H2* đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang yêu cầu ông *M* trả lại.

Ông *M* khởi kiện cho rằng toàn bộ khu đất khoảng 3.400m² ông *M* cùng các anh chị em (trong đó có ông *H2*) mua của vợ chồng ông *Nguyễn Huy T1*, bà *Lê Thị K* bằng Giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 10/2/2015 có chữ ký bà *K* là không đúng vì ông *T1*, bà *K* cũng là cán bộ *Trường K3*; ông *T1* và bà *K* có khai hoang diện tích đất giáp ranh 3.600m² đất ông *H2* xin *Trường K3* cấp năm 1990 và hiện nay bà *K* đang sử dụng. Việc ông *M* cho rằng ông *M* là người kê khai nộp thuế đất từ năm 1993 – 2022, nhưng biên lai nộp thuế không ghi nộp thuế cho thửa đất nào nên không có cơ sở chứng minh ông *M* nộp thuế sử dụng đất thửa số 48; hơn nữa, nếu ông *M* có nộp thuế sử dụng đất thì cũng không phải là căn cứ chứng minh ông *M* là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà. Ông *M* cho rằng ngôi nhà trên đất do ông *M* xây dựng là không đúng mà do vợ chồng ông *H2* xây dựng, vì các lý do trên, ông *H2*, bà *M1* đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông *M*.

* Bị đơn bà *Bùi Thị Lệ T* và chồng ông *Trần Nam G* trình bày:

Ngày 15/09/2022 tại *Văn phòng C2*, ông *Nguyễn Xuân H2* và vợ bà *Lê Thị Tuyết M1* ký Hợp đồng ủy quyền, nội dung ủy quyền cho bà *T* toàn quyền định đoạt thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² (gồm 400m² đất ở và 423,2m² đất trồng cây lâu năm) mà ông *H2*, bà *M1* đã được *UBND thành phố N* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận

CH05107 ngày 13/10/2016. Hợp đồng ủy quyền là hợp pháp nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông *M* yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng ủy quyền vô hiệu, không đồng ý bồi thường tài sản theo yêu cầu của ông *M* vì ông *H2*, bà *M1* là chủ sử dụng đất và tài sản trên đất đã ủy quyền cho bà *T* toàn quyền định đoạt nhà đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Xuân C, ông Trần Thế Đ, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Xuân V, bà Tống Thị C1* thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông *Nguyễn Xuân M*.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị K:*

Có lúc bà *K* trình bày thửa đất ông *M* và ông *H2* đang tranh chấp có nguồn gốc do ông *Nguyễn Huy T1* và bà *K* bán cho anh em ông *H2*, ông *M* năm 1990, khi bán đất không đo, chỉ ước lượng khoảng 3.000m² đến 4.000m², trước đây đất đai rộng, bán gân như cho nên giá bán chỉ 100.000 đồng; hiện nay, bà *K* vẫn sử dụng thửa đất bên cạnh thửa đất tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận; sau khi mua đất anh em ông *M* làm nhà ở trên đất, riêng ông *H2* ở nhà vợ, không ở đây. Về nguồn gốc đất thì ông *T1* (chết năm 2015) giáo viên *Trường K3* (cùng đơn vị với ông *H2*) và bà *K* ở quê vào cùng chồng khai hoang đất do *Trường K3* quản lý một phần làm nhà ở, một phần trồng chuối, cây lương thực, sau đó Nhà Trường cấp bạch đàn, keo để trồng. Vợ chồng bà *K* bán cho anh em ông *H2*, ông *M* một phần đất, giữa hai phần đất có đường đi.

Có lúc bà *K* lại trình bày năm 1987 ông *Nguyễn Huy T1* và ông *Nguyễn Xuân H2* là giáo viên *Trường K3* cùng khai hoang đất tại *thôn L* (trước đây là *V) xã V, N*; đến năm 2010 *xã V* tiến hành đo đạc để làm sổ thì diện tích đất nhà tôi là 979,7m², còn diện tích nhà ông *H2* là 823,2m², hiện Tôi vẫn sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 và Công chứng viên Đặng Thị Như H4* trình bày: Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2022 giữa bên ủy quyền là ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* và bên nhận ủy quyền là bà *Bùi Thị Lệ T*, số công chứng 7055, quyền số 15/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đã được Công chứng viên *Đặng Thị Như H4* xác nhận dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 598377, số vào sổ CH 05107 do *Ủy ban nhân dân thành phố N* cấp cho ông *Nguyễn Xuân H2* và bà *Lê Thị Tuyết M1* ngày 13/10/2016 là đúng pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố N* trình bày: ông *Nguyễn Xuân H2* và bà *Lê Thị Tuyết M1* được *UBND thành phố N* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05107 ngày 13/10/2016 đối với thửa số 48, tờ bản đồ số 32, *xã V*, diện tích: 823,2m² (đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 423,2m²); nguồn gốc đất do *Trường K3* xét duyệt ngày 19/6/1990 cho phép ông *Nguyễn Xuân H2* (cán bộ Nhà trường) khai hoang 3.600m² đất do *T2* quản lý. Đối với yêu cầu của ông *M* yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CH05107 ngày 13/10/2016 của *Ủy ban nhân dân thành phố N* đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh K* trình bày: Thực hiện Quyết định số 407/TTg ngày 13/6/1997 của Thủ tướng Chính

phủ về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do Quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu V, đại diện *UBND tỉnh K (Sở T5, Bộ)* đã nhận bàn giao từ đại diện *T6 - Bộ Q1* theo Biên bản giao, nhận đất và cắm mốc định vị ngày 01/8/2007 giữa *T6 – Bộ Q1* và *UBND tỉnh K*. Đối với đất quốc phòng liên quan đến vụ kiện dân sự của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết, *Ủy ban nhân dân tỉnh K* đã bàn giao cho *UBND xã V, thành phố N* quản lý tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND và Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 01/11/2007 nên đề nghị không đưa *UBND tỉnh K* tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã V* trình bày: Thửa đất số 48, tờ bản đồ 32, diện tích 823,3m² *xã V, thành phố N* đã được *Ủy ban nhân dân thành phố N* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2016 cho ông *Nguyễn Xuân H2* và bà *Lê Thị Tuyết M1*. Thửa đất này nằm trong khu vực I (phần 1) của Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 01/11/2007 của *UBND tỉnh K* về giao đất quốc phòng sau khi rà soát quy hoạch cho *UBND xã V, thành phố N* quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 1 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 12, Điều 23, Điều 148 và Điều 208 Luật Đất đai 2013; Điều 166, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 48, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [gồm yêu cầu công nhận thửa đất số 48, tờ bản đồ 32 tại *thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa* của ông *Nguyễn Xuân M*; yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số 7055 ngày 15/09/2022 giữa ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* với bà *Bùi Thị Lệ T* được công chứng tại *Văn phòng C2*; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số CD 598377, số vào sổ cấp GCN: CH05107 ngày 13/10/2016 của *Ủy ban nhân dân thành phố N* cấp cho ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1*; yêu cầu ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* và bà *Bùi Thị Lệ T*, ông *Trần Nam G* liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho ông *Nguyễn Xuân M* số tiền 837.800.000 đồng]

(Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Kiến nghị *Ủy ban nhân dân tỉnh K* chỉ đạo *Ủy ban nhân dân thành phố N* thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 598377 (số vào sổ cấp GCN: CH05107) ngày 13/10/2016 của *Ủy ban nhân dân thành phố N* cấp cho ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* để trả lại đất cho Nhà nước.

Ông *Nguyễn Xuân M* phải chịu 5.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định định giá.

Ông *Nguyễn Xuân M* được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Nguyên đơn (ông *Nguyễn Xuân M*) cùng vợ là bà *Tống Thị C1*; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà *Nguyễn Thị L1*, ông *Nguyễn Văn Q*, bà *Nguyễn Thị H*, ông *Nguyễn Xuân V1*, ông *Trần Thế Đ*, bà ông *Nguyễn Xuân C*, ông *Nguyễn Xuân V* kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Bà *Bùi Thị Lệ T* (đại diện theo ủy quyền cho các bị đơn) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là kiến nghị *UBND tỉnh K* chỉ đạo *UBND thành phố N* thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 48 mà *UBND thành phố N* đã cấp Giấy chứng nhận cho ông *Nguyễn Xuân H2* và vợ bà *Lê Thị Tuyết M1*.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn (ông *Nguyễn Xuân M*) cùng vợ là bà *Tống Thị C1*; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà *Nguyễn Thị L1*, ông *Nguyễn Văn Q*, bà *Nguyễn Thị H*, ông *Nguyễn Xuân V1*, ông *Trần Thế Đ*, bà ông *Nguyễn Xuân C*, ông *Nguyễn Xuân V*, giữ nguyên kháng cáo.

- Bà *Bùi Thị Lệ T* giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tại Công văn số 5700/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 22/10/2025, *Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T5* đã trả lời rõ ngày 13/6/1997 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 407/TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn *Quân khu V2*. Căn cứ Quyết định 407/TTg, ngày 01/8/2007 *T6 - Bộ Q1* (bên bàn giao đất) và *UBND tỉnh K* (bên nhận đất) đã tiến hành giao đất cho *UBND tỉnh K* nhận và thực hiện cắm mốc định vị. Sau khi nhận đất, ngày 01/11/2007 *Ủy ban nhân dân tỉnh K* ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND và Quyết định số 1967 giao đất cho UBND các Phường có đất được quân đội bàn giao quản lý. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 tại *xã V* là một phần đất thuộc phạm vi Khu vực 1 (phần I diện tích 231.532m²) được *T6 - Bộ Q1* bàn giao cho *UBND tỉnh K* ngày 01/8/2007 và *UBND tỉnh K* đã bàn giao cho *UBND xã V, thành phố N* quản lý tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 01/11/2007. Ngày 30/9/2026 ông *H2* đã nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 72.777.100 đồng gồm lệ phí trước bạ 777.100 đồng và 72.000.000 đồng tiền sử dụng đất. Sau khi đối chiếu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất của *UBND thành phố N* phê duyệt tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2002, *UBND thành phố N* đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05107 (số vào sổ cấp GCN: CH05107) ngày 13/6/2016 cho ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m². Tòa án cấp sơ thẩm nhận định *Trường T4* vào thời điểm tháng 06/1990 không có thẩm quyền phê duyệt,

cấp đất nên đất tranh chấp vẫn là đất quốc phòng cho đến ngày 01/8/2007 mới bàn giao cho *UBND tỉnh K* nên *UBND thành phố N* căn cứ *Đơn xin đất làm nhà* ngày 18/6/1990 của ông *H2* (Đơn được Thủ trưởng Nhà Trường phê duyệt đồng ý) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông *H2* là ảnh hưởng đến tài sản của Nhà nước, từ đó cấp sơ thẩm kiến nghị *Ủy ban nhân dân tỉnh K* chỉ đạo *Ủy ban nhân dân thành phố N* thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông *H2*, bà *M1* là không đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà *Bùi Thị Lệ T* bỏ phần kiến nghị này.

Đề nghị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông *Nguyễn Xuân M* gồm: Yêu cầu công nhận thửa đất số 48, tờ bản đồ 32 của ông *M*; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 7055 giữa ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* với bà *Bùi Thị Lệ T* được công chứng tại *Văn phòng C2* ngày 15/09/2022 vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà *Ủy ban nhân dân thành phố N* cấp cho ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* ngày 13/10/2016; yêu cầu vợ chồng ông *H2* và vợ chồng bà *T*, ông *Trần Nam G* liên đới bồi thường 837.800.000 đồng (nếu ông *M* có cơ sở chứng minh tài sản trên thửa đất số 48 đã bị đập phá do mình xây dựng, có tài liệu chứng cứ chứng minh giá trị tài sản bị thiệt hại thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại để bảo vệ quyền lợi của mình).

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà *Bùi Thị Lệ T* (đại diện cho các bị đơn) kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị *Ủy ban nhân dân tỉnh K* chỉ đạo *UBND thành phố N* thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² (gồm 400m² đất ở và 423,2m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ *thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa* mà ông *Nguyễn Xuân H2* và bà *Lê Thị Tuyết M1* được *UBND thành phố N* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2016 thấy rằng ngày 13/6/1997 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 407/TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu V (bút lục 444 - 447). Căn cứ Quyết định 407/TTg, ngày 01/8/2007 *T6 - Bộ Q1* (bên bàn giao đất) và *UBND tỉnh K* (bên nhận đất) có sự tham gia của đại diện *Trường T4, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T5, Công ty Địa chính tỉnh K*, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa, *UBND thành phố N* và UBND các phường có đất bàn giao, đã tiến hành giao đất cho *UBND tỉnh K* nhận và thực hiện cắm mốc định vị (bl 441 - 443). Sau khi nhận đất, ngày 01/11/2007 *Ủy ban nhân dân tỉnh K* ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND và Quyết định số 1967 giao đất cho UBND các Phường có đất được quân đội bàn giao quản lý (bl 439 - 440). Tại Công văn số 5700/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 22/10/2025, *Sở Nông nghiệp và*

Môi trường tỉnh T5 cho biết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² *xã V* là một phần đất thuộc phạm vi Khu vực 1 (phần I diện tích 231.532m²) được *T6 - Bộ Q1* bàn giao cho *UBND tỉnh K* ngày 01/8/2007 và *UBND tỉnh K* đã bàn giao cho *UBND xã V, thành phố N* quản lý tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 01/11/2007. Ngày 30/9/2026 ông *Nguyễn Xuân H2* nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 72.777.100 đồng gồm lệ phí trước bạ 777.100 đồng và 72.000.000 đồng tiền sử dụng đất là nghĩa vụ tài chính cơ quan Thuế xác định ông *H2* phải nộp khi xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi đối chiếu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất của *UBND thành phố N* phê duyệt tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2002, *UBND thành phố N* đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05107 (số vào sổ cấp GCN: CH05107) ngày 13/6/2016 cho ông *Nguyễn Xuân H2*, bà *Lê Thị Tuyết M1* đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² (gồm 400m² đất ở và 423,2m² đất trồng cây lâu năm). Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 diện tích 823,2m² hiện nay có một phần diện tích thuộc quy hoạch đất ở và một phần diện tích thuộc quy hoạch đất giao thông.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định *Trường T4* vào thời điểm tháng 06/1990 không có thẩm quyền phê duyệt, cấp đất nên đất tranh chấp vẫn là đất quốc phòng cho đến ngày 01/8/2007 mới bàn giao cho *UBND tỉnh K* nên *UBND thành phố N* căn cứ *Đơn xin đất làm nhà* ngày 18/6/1990 của ông *H2* (Đơn được Thủ trưởng Nhà Trường phê duyệt đồng ý) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông *H2* là ảnh hưởng đến tài sản của Nhà nước, từ đó kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh K chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông *H2*, bà *M1* là không đúng pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà *Bùi Thị Lệ T* và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát bỏ phần kiến nghị này.

[2] Ông *Nguyễn Xuân M* khởi kiện cho rằng nguồn gốc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 là một phần mảnh đất mà các anh chị em (trong đó có ông *Nguyễn Xuân H2* là anh cả) mua chung của vợ chồng ông *Nguyễn Huy T1* bà *Lê Thị K* vào năm 1990 nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông *H2* và công nhận thửa đất số 48 thuộc quyền sử dụng của ông *M*, nhưng ông *H2* không thừa nhận mà cho rằng thửa đất số 48 là một phần của diện tích 3.600m² mà năm 1990 khi đang là Trợ lý chính trị *Trường K3* (nay là *Trường T4*) có *Đơn xin đất làm nhà* ngày 18/6/1990 gửi Nhà trường xin giao đất làm nhà và tăng gia, sản xuất, đơn được Thủ trưởng Nhà trường phê duyệt đồng ý (bl 137). Xét, chứng cứ mà ông *M* xuất trình để chứng minh mua đất của ông *T1*, bà *K* là *Giấy chuyển nhượng đất* viết tay lập ngày 10/2/2015 giữa bà *K* với ông *M*, bà *Nguyễn Thị H* và bà *Nguyễn Thị L1*, không có công chứng, chứng thực. Bà *Lê Thị K* sinh năm 1952 có lời khai không thống nhất lúc khai năm 1990 ông *T1*, bà *K* bán cho anh em ông *H2*, ông *M* khoảng 3.000m² đến 4.000m², lúc khác lại khai “Năm 1987 chồng tôi là ông *Nguyễn Huy T1* và ông *Nguyễn Xuân H2* cùng khai hoang đất tại *thôn L* (trước đây là *V*) *xã V, N*; đến năm 2010 *xã V* tiến hành đo đạc để làm sổ thì diện tích đất nhà tôi là 979,7m², còn diện tích nhà ông *H2* là 823,2m² (bl 159), hiện nay bà *K* vẫn đang sử dụng, đất chưa

được cấp Giấy chứng nhận (bl 219, 220). Tại Đơn xin đất làm nhà ngày 18/6/1990 thể hiện ông **H2** khi đó đang là Trợ lý chính trị **Trường K3** xin Nhà trường giao 3.600m² đất để làm nhà và tăng gia, sản xuất, đơn được Thủ trưởng Nhà trường phê duyệt đồng ý ngày 19/6/1990 (bl 137). Tại Công văn số 1982/UBND ngày 28/11/2023 **UBND xã V** cho biết thửa đất số 48, tờ bản đồ 32 (VN-2000) có nguồn gốc trước đây là đất do **T2** Kỹ thuật Ô tô 2 quản lý, ông **H2** có đơn xin đất làm nhà với diện tích khoảng 3.600m² để làm nhà ở, kết hợp tăng gia sản xuất, theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do đơn vị đo đạc lập ngày 21/11/200 người kê khai chủ sử dụng đất là bà **Lê Thị Tuyết M1** có chữ ký của các hộ giáp ranh (trong đó ông **Nguyễn Xuân M** cũng ký xác nhận - bl 232). Với các căn cứ trên và ngày 30/9/2026 ông **H2** đã nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 72.777.100 đồng gồm lệ phí trước bạ 777.100 đồng và 72.000.000 đồng tiền sử dụng đất và ngày 13/6/2016 ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** được **UBND thành phố N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **M** yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **UBND thành phố N** đã cấp cho ông **H2**, bà **M1** đối với thửa đất số 48 và yêu cầu công nhận ông **M** có quyền sử dụng thửa đất số 48.

[3] Xét, yêu cầu khởi kiện của ông **M** yêu cầu Tòa án tuyên bố **Hợp đồng ủy quyền** số 7055 ký ngày 15/9/2022 tại **Văn phòng C2** giữa ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** với bà **Bùi Thị Lệ T** có nội dung ông **H2**, bà **M1** ủy quyền cho bà **T** toàn quyền định đoạt đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 32 mà ông **H2**, bà **M1** đã được **UBND thành phố N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05107 (số vào sổ cấp GCN: CH05107) ngày 13/6/2016 và giao Giấy chứng nhận cho bà **T** giữ thấy rằng ông **H2**, bà **M1** là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 48 nên việc ông **H2**, bà **M1** ủy quyền cho bà **T** là quyền hợp pháp của ông **H2**, bà **M1** nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông **M**.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **M** yêu cầu vợ chồng ông **H2**, vợ chồng bà **T** liên đới bồi thường 837.800.000 đồng là trị giá nhà, công trình phụ, tài sản, cây cối trên đất bị bà **T** đưa máy xúc vào đập phá, hủy hoại vào tháng 9 năm 2022 thấy khi bà **T** đưa máy xúc vào san ủi tài sản trên đất nguyên đơn có gửi đơn trình báo **Công an thành phố N** và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang về hành vi hủy hoại tài sản của bà **T**, nhưng không có quyết định khởi tố vụ án hủy hoại tài sản nào được ban hành. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp các bức ảnh để chứng minh thiệt hại về tài sản để yêu cầu bồi thường, nhưng các bức ảnh này chỉ thể hiện nguyên đơn chụp hiện trạng tài sản, không chứng minh được đối tượng gây ra thiệt hại, thiệt hại những tài sản gì, giá trị bao nhiêu, căn cứ nào để xác định thiệt hại, trong khi hiện nay theo bà **T** trình bày thì đã san ủi toàn bộ để trồng cây và đã xây tường cao 1m bao quanh khu đất. Vì vậy, cấp phúc thẩm xét cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn không cung cấp đủ tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại nên không đủ cơ sở buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; nếu nguyên đơn có cơ sở chứng minh tài sản trên đất đã bị đập phá

do mình xây dựng, có tài liệu chứng cứ chứng minh giá trị tài sản bị thiệt hại thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[5] Quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí trong bản án sơ thẩm được giữ nguyên. Bị đơn kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ người được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 48, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 186, 187, 189, 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Xuân M** gồm:

- Yêu cầu công nhận thửa đất số 48, tờ bản đồ 32, địa chỉ **thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn V, phường B, tỉnh Khánh Hòa)** của ông **M**;

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 7055 giữa ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** với bà **Bùi Thị Lệ T** được công chứng tại **Văn phòng C2** ngày 15/09/2022 vô hiệu;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 598377 (số vào sổ cấp GCN:CH05107) ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1**;

- Yêu cầu ông **Nguyễn Xuân H2**, bà **Lê Thị Tuyết M1** và bà **Bùi Thị Lệ T**, ông **Trần Nam G** liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho ông **Nguyễn Xuân M** số tiền 837.800.000 đồng (nếu ông **M** có cơ sở chứng minh tài sản trên thửa đất số 48 đã bị đập phá do mình xây dựng, có tài liệu chứng cứ chứng minh giá trị tài sản bị thiệt hại thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác yêu cầu bồi thường thiệt hại).

2. Ông **Nguyễn Xuân M** phải chịu 5.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định định giá (đã nộp đủ và chi xong). Ông **Nguyễn Xuân M** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông **Nguyễn Văn Q** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000712 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Ông **Nguyễn Xuân V1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000713 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Ông **Nguyễn Xuân V** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000714 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Bà **Tống Thị C1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000711 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Bà **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000715 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân